

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                        | <b><u>TRANG</u></b> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH                     | 1 - 2               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 3 - 4               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 6                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 7 - 42              |

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính HỢP NHẤT tự lập của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

|                        |   |
|------------------------|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy   | Chủ tịch Hội đồng Quản trị  |
| Ông Nguyễn Ngọc Khánh  | Thành viên Hội đồng Quản trị                                      |
| Ông Quách Mạnh Hào     | Thành viên Hội đồng Quản trị                                      |
| Ông Nguyễn Minh Chính  | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị                              |
| Ông Nguyễn Trọng Quỳnh | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị                              |
| Ông Sang Ho Jung       | Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 16/03/2022) |

**Ban Điều hành**

|                            |   |
|----------------------------|---|
| Ông Travis Richard Stewart | Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/03/2021)      |
| Ông Nguyễn Hoàng Lương     | Giám đốc tài chính (Từ nhiệm ngày 26/09/2022) |
| Ông Nguyễn Mạnh Phú        | Kế toán trưởng                                |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT. Trong việc lập các báo cáo tài chính HỢP NHẤT này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính HỢP NHẤT hay không;
- Lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính HỢP NHẤT được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**



Nguyễn Ngọc Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| Mã          | Tên  | Số cuối kỳ               | Số đầu kỳ                |
|-------------|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>1000</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>2,462,614,533,237</b> | <b>2,430,664,848,768</b> |
| <b>1100</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>736,791,562,061</b>   | <b>696,974,721,111</b>   |
| 1110        | Tiền   | 696,791,562,061          | 536,974,721,111          |
| 1120        | Các khoản tương đương tiền                   | 40,000,000,000           | 160,000,000,000          |
| <b>1200</b> | <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>             | <b>100,000,000,000</b>   | <b>300,000,000,000</b>   |
| 1210        | Chứng khoán kinh doanh                       | 100,000,000,000          | 100,000,000,000          |
| 1220        | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) |                          |                          |
| 1230        | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              |                          | 200,000,000,000          |
| <b>1300</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           | <b>1,589,850,711,176</b> | <b>1,373,582,454,085</b> |
| 1310        | Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 45,053,814,129           | 67,841,877,244           |
| 1320        | Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 162,893,972,228          | 126,901,116,909          |
| 1350        | Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 99,713,769,710           | 305,039,669,710          |
| 1360        | Phải thu ngắn hạn khác                       | 1,274,974,736,328        | 877,821,890,164          |
| 1370        | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)       | (266,109,942)            | (4,022,099,942)          |
| 1390        | Tài sản thiếu chờ xử lý                      |                          |                          |
| <b>1400</b> | <b>Hàng tồn kho</b>                          | <b>18,630,763,453</b>    | <b>41,334,337,479</b>    |
| 1410        | Hàng tồn kho                                 | 18,630,763,453           | 41,334,337,479           |
| 1490        | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)           |                          |                          |
| <b>1500</b> | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>17,341,496,547</b>    | <b>18,773,336,093</b>    |
| 1510        | Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 15,322,731,082           | 18,580,488,511           |
| 1520        | Thuế GTGT được khấu trừ                      | 1,517,343,403            | 123,947,953              |
| 1530        | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 501,422,062              | 68,899,629               |
| <b>2000</b> | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>2,133,926,702,135</b> | <b>2,197,059,252,069</b> |
| <b>2100</b> | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>365,015,665,409</b>   | <b>97,952,138,752</b>    |
| 2160        | Phải thu dài hạn khác                        | 350,181,409,089          | 97,952,138,752           |
| <b>2200</b> | <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>731,814,670,575</b>   | <b>897,176,620,153</b>   |
| <b>2210</b> | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>              | <b>331,173,804,881</b>   | <b>445,671,479,248</b>   |
| 2220        | Nguyên giá                                   | 770,656,716,179          | 786,913,585,425          |
| 2230        | Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | (439,482,911,298)        | (341,242,106,177)        |
| <b>2270</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b>               | <b>400,640,865,694</b>   | <b>451,505,140,905</b>   |
| 2280        | Nguyên giá                                   | 469,030,201,538          | 506,731,641,142          |
| 2290        | Giá trị hao mòn lũy kế (*)                   | (68,389,335,844)         | (55,226,500,237)         |
| <b>2400</b> | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>36,014,238,827</b>    | <b>17,515,219,330</b>    |
| 2420        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 36,014,238,827           | 17,515,219,330           |
| <b>2500</b> | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>654,714,442,217</b>   | <b>592,127,476,594</b>   |
| 2520        | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 658,000,000,000          | 592,013,476,594          |
| 2530        | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 239,100,000              | 239,100,000              |
| 2540        | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)        | (3,524,657,783)          | (125,100,000)            |
| <b>2600</b> | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>346,367,685,107</b>   | <b>592,287,797,240</b>   |
| 2610        | Chi phí trả trước dài hạn                    | 92,674,279,165           | 281,154,374,854          |
| 2690        | Lợi thế thương mại                           | 253,693,405,942          | 311,133,422,386          |
| <b>2700</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>4,596,541,235,372</b> | <b>4,627,724,100,837</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| Mã          | Tên  | Số cuối kỳ               | Số đầu kỳ                |
|-------------|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>3000</b> | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>3,076,095,016,124</b> | <b>3,062,886,382,824</b> |
| <b>3100</b> | <b>Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>1,762,985,530,353</b> | <b>1,651,632,486,780</b> |
| 3110        | Phải trả người bán ngắn hạn                  | 195,881,888,237          | 144,106,554,147          |
| 3120        | Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 113,431,522,659          | 67,825,091,826           |
| 3130        | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 166,227,002,809          | 172,232,341,195          |
| 3140        | Phải trả người lao động                      | 58,627,360,796           | 55,497,195,590           |
| 3150        | Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 332,486,044,104          | 262,774,239,538          |
| 3180        | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn            | 101,945,146,958          | 195,583,320,522          |
| 3190        | Phải trả ngắn hạn khác                       | 154,694,948,657          | 133,580,887,810          |
| 3200        | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn            | 616,984,299,866          | 620,032,856,152          |
| <b>3300</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                            | <b>1,313,109,485,771</b> | <b>1,411,253,896,044</b> |
| 3360        | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn             | 7,787,110,914            | 22,115,080,946           |
| 3380        | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn             | 1,298,459,284,792        | 1,382,275,725,033        |
| 3410        | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả              | 6,863,090,065            | 6,863,090,065            |
| <b>4000</b> | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>1,520,446,219,248</b> | <b>1,564,837,718,013</b> |
| <b>4100</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>1,520,446,219,248</b> | <b>1,564,837,718,013</b> |
| <b>4110</b> | <b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>                | <b>831,506,610,000</b>   | <b>831,506,610,000</b>   |
| 4111        | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 831,506,610,000          | 831,506,610,000          |
| 4120        | Thặng dư vốn cổ phần                         | 15,335,740,000           | 15,335,740,000           |
| <b>4210</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>     | <b>32,105,088,150</b>    | <b>81,908,245,270</b>    |
| 4211        | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 81,908,245,270           | 2,358,204,908            |
| 4212        | LNST chưa phân phối kỳ này                   | (49,803,157,120)         | 79,550,040,362           |
| 4220        | Nguồn vốn đầu tư XDCB                        |                          |                          |
| 4290        | Lợi ích cổ đông không kiểm soát              | 641,498,781,098          | 636,087,122,743          |
| <b>4400</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                   | <b>4,596,541,235,372</b> | <b>4,627,724,100,837</b> |

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Thủy

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

| Mã         | Tên  | Kỳ này                   | Kỳ trước               | Lũy kế kỳ này            | Lũy kế kỳ trước        |
|------------|--|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>10</b>  | <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>(45,537,182,277)</b>  | <b>352,324,205,908</b> | <b>1,335,974,940,915</b> | <b>988,999,075,624</b> |
| 20         | Các khoản giảm trừ doanh thu                           | -                        |                        | -                        | 29,776,803             |
| <b>100</b> | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>(45,537,182,277)</b>  | <b>352,324,205,908</b> | <b>1,335,974,940,915</b> | <b>988,969,298,821</b> |
| 110        | Giá vốn hàng bán                                       | (81,489,095,731)         | 247,046,191,751        | 927,853,603,184          | 719,655,002,682        |
| <b>200</b> | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>35,951,913,454</b>    | <b>105,278,014,157</b> | <b>408,121,337,731</b>   | <b>269,314,296,139</b> |
| 210        | Doanh thu hoạt động tài chính                          | (41,547,133,810)         | 170,258,390,695        | 107,897,614,862          | 96,452,093,509         |
| 220        | Chi phí tài chính                                      | 89,591,204,584           | 44,518,024,461         | 203,754,333,838          | 67,377,103,045         |
| 230        | Trong đó: Chi phí lãi vay                              | 34,837,926,240           |                        | 161,407,738,173          | 48,330,198,033         |
| 240        | Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết    | 130,306,252              | 2,142,068,686          | -                        | (130,306,252)          |
| 250        | Chi phí bán hàng                                       | (84,589,734,204)         | 64,624,295,434         | 161,077,570,709          | 182,686,836,608        |
| 260        | Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 80,662,603,418           | 45,341,108,246         | 199,961,357,215          | 85,757,133,202         |
| <b>300</b> | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>(91,128,987,902)</b>  | <b>123,195,045,397</b> | <b>(48,774,309,169)</b>  | <b>29,815,010,541</b>  |
| 310        | Thu nhập khác  | 2,123,653,780            | (107,649,351)          | 4,346,534,007            | 1,576,590,804          |
| 320        | Chi phí khác   | 21,889,715,223           | 4,797,267,756          | 32,175,477,485           | 10,087,160,014         |
| <b>400</b> | <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>(19,766,061,443)</b>  | <b>(4,904,917,107)</b> | <b>(27,828,943,478)</b>  | <b>(8,510,569,210)</b> |
| <b>500</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>(110,895,049,345)</b> | <b>118,290,128,290</b> | <b>(76,603,252,647)</b>  | <b>21,304,441,331</b>  |
| 510        | Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | (18,278,478,319)         | 27,819,081,218         | 4,788,344,525            | 13,736,510,528         |
| 520        | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                             | 223,201,602              | 3,109,156,191          | -                        | 1,472,422,175          |
| <b>600</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>(92,839,772,628)</b>  | <b>87,361,890,881</b>  | <b>(81,391,597,172)</b>  | <b>6,095,508,628</b>   |
| 610        | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                      | (102,913,075,549)        |                        | (86,803,255,527)         | 11,060,941,626         |
| 620        | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát         | 10,103,079,724           |                        | 5,411,658,355            | (4,965,432,988)        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Thủy

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

| Mã         | Tên  | Lũy kế kì này            | Lũy kế kì trước          |
|------------|--|--------------------------|--------------------------|
| 10         | Lợi nhuận trước thuế   | (76,603,252,647)         | 152,558,772,203          |
| 20         | Khấu hao TSCĐ  | 168,843,657,172          | 196,002,400,725          |
| 30         | Các khoản dự phòng   | (356,432,217)            | 3,921,999,942            |
| 50         | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | (350,000,000)            | 322,061,568,746          |
| 60         | Chi phí Lãi vay  |                          | 153,805,102,558          |
| <b>80</b>  | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                           | <b>91,533,972,308</b>    | <b>184,226,706,682</b>   |
| 90         | Tăng, giảm Các khoản phải thu  | (664,412,826,588)        | (64,385,925,117)         |
| 100        | Tăng, giảm hàng tồn kho  | 22,703,574,026           | 11,304,723,747           |
| 110        | Tăng, giảm Các khoản phải trả (Không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 44,972,996,330           | 253,512,648,299          |
| 120        | Tăng, giảm Chi phí trả trước   | 191,737,853,118          | 162,790,237,231          |
| 130        | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | (100,000,000,000)        | (100,000,000,000)        |
| 140        | Tiền Lãi vay đã trả  |                          | (135,306,097,065)        |
| 150        | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | (30,947,462,364)         | (30,108,514,969)         |
| <b>200</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>(444,411,893,170)</b> | <b>282,033,778,808</b>   |
| 210        | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 |                          | (34,204,038,703)         |
| 220        | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 38,399,383,293           | 620,706,941              |
| 230        | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác   | 188,960,900,000          | (451,514,669,710)        |
| 240        | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                   | 16,365,000,000           | 16,365,000,000           |
| 250        | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | (65,986,523,406)         | 590,000,000,000          |
| 260        | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 39,300,000,000           | 272,760,000,000          |
| 270        | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 52,624,406,884           | 46,667,385,211           |
| <b>300</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>269,663,166,771</b>   | <b>(739,305,616,261)</b> |
| 330        | Tiền thu từ đi vay   | 965,799,942,201          | 1,706,607,291,337        |
| 340        | Tiền trả nợ gốc vay  | (751,234,374,852)        | (786,701,813,376)        |
| <b>400</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>214,565,567,349</b>   | <b>950,850,477,961</b>   |
| <b>500</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>39,816,840,950</b>    | <b>493,578,640,508</b>   |
| 600        | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  | 696,974,721,111          | 203,396,080,603          |
| 610        | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  |                          |                          |
| <b>700</b> | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>736,791,562,061</b>   | <b>696,974,721,111</b>   |

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Thủy

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2021 với vốn điều lệ của Công ty là 831.506.610.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính HỢP NHẤT**

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 03 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 66,36%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,2%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu là 99,35% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,33%, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                                 | Thời gian khấu hao<br>(Số năm) |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10                             |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03                             |

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### **Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ghi nhận giá vốn**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính HỢP NHẤT và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 59,76% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.